

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-12-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Phạm Thị Thúy Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3739/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, nơi cư trú: Đai Bắc Thái 7, đường Sinh Lúng, số nhà 190 Pw Sin thao doen, Đai Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào 01 tháng 11 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi chung sống được ba năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Đến năm 2014 anh Thsang Đai Loan làm việc và đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con: Anh chị có một con chung là cháu Trần Ngọc L sinh ngày 27 tháng 5 năm 2006. Chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Theo đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 9 năm 2018 của bị đơn anh Trần Văn Th trình bày:

Anh Th thống nhất lời khai của chị T về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Nay cả hai vợ chồng đều muốn ly hôn để mỗi người tìm cho mình một cuộc sống khác nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất giao con là cháu Trần Ngọc L sinh ngày 27 tháng 5 năm 2006 cho chị T nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2018 anh Trần Văn Th là anh trai anh Trần Văn Th trình bày:

Em trai anh là anh Trần Văn Th hiện đang lao động tại Đài Loan từ năm 2014 đến nay. Từ khi đi lao động đến nay anh Th chưa về Việt Nam lần nào. Anh Th và chị T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch vào năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã do vợ chồng không đồng nhất về tính cách. Gia đình anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để mỗi người tìm hạnh phúc mới. Đơn ly hôn đề ngày 10 tháng 9 năm 2018 ghi tên Trần Văn Th được gửi từ Đài Loan về anh xác nhận toàn bộ chữ ký và chữ viết là của em trai anh. Địa chỉ mà chị T cung cấp cho Tòa án đúng là địa chỉ của em trai anh. Về con chung: Cháu Trần Thùy L hiện đang ở với mẹ, để đảm bảo ổn định cuộc sống và học tập của cháu nên đề nghị Tòa án giao cháu Linh cho chị T nuôi. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 11 năm 2018 ông Trần Văn C là bố đẻ anh Trần Văn Th trình bày:

Anh Th và chị T kết hôn từ năm 2004. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2012. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân, anh Th sang Đài Loan làm ăn và vẫn liên lạc về nhà, vẫn gửi tiền về nuôi con. Đơn xin ly hôn anh Th gửi từ Đài Loan về là đúng chữ ký và chữ viết của anh Th. Anh Th có nói với ông C là sẽ gửi đơn ly hôn này từ một người quen ở Đài Loan về Việt Nam để chuyển cho Tòa án Hải Phòng. Địa chỉ do chị T cung cấp

đúng là địa chỉ của anh Th. Do vợ chồng anh Th chị T không có hạnh phúc, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo nguyện vọng của anh chị. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc L sinh ngày 27 tháng 5 năm 2006, đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Cháu Trần Ngọc L là con chung của chị T, anh Th có đơn đề nghị có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của anh Trần Văn Th có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 119/KLGD-PC09 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận chữ ký chữ viết của anh Trần Văn Th trên tài liệu cần giám định là đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 9 năm 2018 và tài liệu mẫu so sánh Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/2004 tại UBND xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có chữ ký chữ viết của anh Trần Văn Th do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Tòa án thu thập chứng cứ đối với đương sự là bị đơn ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh Trần Văn Th. Anh Th hiện đang ở Đài Loan có đơn ly hôn gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Căn cứ kết quả giám định chữ ký và chữ viết của anh Th cho thấy chữ ký và chữ viết trong Đơn ly hôn ngày 10/9/2018 của anh Th đúng là chữ ký và chữ viết của anh Th trong Giấy chứng nhận kết hôn. Xét thấy việc chị T và anh Th mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc L cho chị T nuôi. Anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận của anh chị là 1.500.000đ/tháng. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc thụ lý đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Do anh Trần Văn Th đang cư trú tại Đài Loan nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn Thị T và Trần Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và Trần Văn Th.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào 01 tháng 11 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ kết quả giám định chữ ký và chữ viết của anh Th cho thấy chữ ký và chữ viết trong Đơn ly hôn ngày 10 tháng 9 năm 2018 của anh Th đúng là chữ ký và chữ viết của anh Th trong Giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ đơn ly hôn của chị T và anh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị T, anh Th thường nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Đến năm 2014 anh Th đã sang Đài Loan lao động, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không có thời gian và điều kiện chăm sóc nhau thường xuyên. Anh Th và chị T đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh Th thỏa thuận giao con chung Trần Ngọc L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2006 cho chị T trực tiếp nuôi, chăm sóc, bản thân cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh chị thống nhất anh Th cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Văn Th phải chịu 50% án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 473, Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc L sinh ngày 27 tháng 5 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0010912 ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Anh Trần Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh Trần Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND xã Quang Lịch, Kiến Xương, TB;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp